

Bản án số: 156/2021/HNGĐ-ST

Ngày 19 – 11 – 2021

V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Hoài Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 380/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tống Thị Bảo D, sinh năm 1990; Địa chỉ: 66 Nguyễn Viết X, phường An L, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Ch, Sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp Trung C, xã Tân Tr, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của chị Tống Thị Bảo D thể hiện:*

Chị D và anh Ch chung sống năm 2019, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tr, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng gần đây phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cách nhìn nhận cuộc sống không còn phù hợp nhau. Chị D xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh Ch nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình chung sống chị D và anh Ch có 01 con chung tên Lê Tống Bảo G, sinh ngày 09/8/2019. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chị và anh Ch tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo lời trình bày của anh Lê Văn Ch tại Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 09/11/2021 thể hiện:*

Theo đơn khởi kiện của chị D trình bày về mối quan hệ hôn nhân anh Ch xác định là đúng và anh đồng ý ly hôn với chị D. Về con chung anh thống nhất giao cho chị D nuôi, việc cấp dưỡng sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ anh và chị D không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị D và anh Ch có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Chị D và anh Ch chung sống vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tr, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống chị D và anh Ch thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh Ch. Anh Ch đồng ý ly hôn với chị D.

Xét yêu cầu ly hôn của chị D được anh Ch đồng ý, điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D ly hôn với anh Ch là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu nuôi con của chị D thấy rằng: Cháu Lê Tổng Bảo G, sinh năm 2019, hiện do chị D đang nuôi dưỡng, chị D yêu cầu được nuôi con; anh Ch đồng ý giao con cho chị D nuôi. Do đó, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu Bảo G cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Do chị D và anh Ch tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản và các vấn đề khác: Chị D và anh Ch xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị D phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tổng Thị Bảo D

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Tổng Thị Bảo D được ly hôn với anh Lê Văn Ch.

1.2. Về con chung: Giao cháu Lê Tổng Bảo G, sinh ngày 08/9/2019 cho chị Tổng Thị Bảo D tiếp tục trong nôm, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra; anh Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị D phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011617 ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị D đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Trung;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai**